TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH
**HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ**

ĐGMH_BM 1a

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH
KHOA Y - DƯỢC

# Danh Sách Ghi Điểm

**Kết thúc học phần-Lần 1**

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Giải phẫu 1 (650522)
Số tín chỉ 3
Nhóm/Lớp: (01 - 01)/DA22YKA
CBGD: Lê Văn Đảm (00808)

Hình thức đánh giá: Trắc nghiệm
Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc 01 / 6 / 2023
Phòng thi: B31_104

| STT | Mã SV | Họ và tên SV | | Ngày sinh | Phái | Đ.TBQT | Điểm KT | Tổng kết | Số tờ/ Mã đề | Chữ ký | Đối tượng SV | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 116022003 | Danh Bùi Ngọc | An | 30/08/2004 | Nữ | 5.4 | 3.5 | 4.5 | 419 | | | |
| 2 | 116022004 | Trầm Duy | An | 04/08/2004 | Nam | 6.3 | 5.3 | 5.8 | 509 | | | |
| ~~3~~ | 116022005 | Dương Quốc | Anh | 14/12/2003 | Nam | | | | ~~26~~ | | | Nghỉ |
| 4 | 116022006 | Lâm Nhật | Anh | 20/07/2004 | Nam | 5.9 | 3.9 | 4.9 | 269 | | | |
| 5 | 116022007 | Lê Tú | Anh | 31/05/2003 | Nữ | 3.6 | 3.3 | 3.5 | 273 | | | |
| 6 | 116022008 | Phạm Phương | Anh | 07/11/2003 | Nữ | 5.4 | 5.1 | 5.3 | 419 | | | |
| 7 | 116022009 | Trần Ngọc Lan | Anh | 21/07/2004 | Nữ | 5.5 | 5.0 | 5.3 | 273 | | | |
| 8 | 116022010 | Trương Thị Quế | Anh | 01/11/2004 | Nữ | 6.1 | 5.2 | 5.7 | 509 | | | |
| 9 | 116022011 | Võ Ngọc Vân | Anh | 18/02/2004 | Nữ | 4.9 | 4.5 | 4.7 | 419 | | | |
| ~~10~~ | 116022012 | Võ Quang Tuấn | Anh | 09/06/2004 | Nam | 2.8 | | | | | | ~~Sai~~ |
| 11 | 116022013 | Phạm Như | Băng | 11/01/2004 | Nữ | 4.6 | 4.4 | 4.5 | 273 | | | |
| 12 | 116022014 | Huỳnh Gia | Bảo | 19/03/2004 | Nam | | | | | | | Cấ |
| 13 | 116022015 | Huỳnh Khánh | Bảo | 17/08/2004 | Nam | 3.9 | 3.5 | 3.7 | 269 | | | |
| 14 | 116022016 | Nguyễn Nguyễn Thái | Bảo | 22/11/2004 | Nam | 6.6 | 5.5 | 6.1 | 509 | | | |
| ~~15~~ | 116022017 | Phương Gia | Bảo | 09/10/2004 | Nam | | | | | | | Ngh |
| 16 | 116022018 | Lữ Thanh | Bình | 05/02/2004 | Nam | 5.5 | 6.1 | 5.8 | 269 | | | |
| 17 | 116022019 | Huỳnh Lê Trân | Châu | 29/03/2004 | Nữ | 3.9 | 2.5 | 3.2 | 269 | | | |
| 18 | 116022026 | Huỳnh Quốc | Đạt | 22/01/2004 | Nam | 3.9 | 3.6 | 3.8 | 273 | | | |
| 19 | 116022027 | Lê Thành | Đạt | 09/03/2004 | Nam | 5.3 | 6.3 | 5.8 | 419 | | | |
| 20 | 116022028 | Lý Tiến | Đạt | 19/12/2004 | Nam | 5.0 | 3.9 | 4.5 | 509 | | | |

Tổng số sv, hs trên danh sách: 20
Tổng số sv, hs dự đánh giá: 16
Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 16
Tổng số tờ: 16

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 14 tháng 06 năm 2023

Cán bộ coi thi 1: Kha Đức Lương

Cán bộ ghi điểm: Nguyễn Tiến Thịnh

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Lê Thanh Trúc

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH
**HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ**

ĐGMH_BM 1a

# Danh Sách Ghi Điểm

**Kết thúc học phần-Lần 1**

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH
KHOA Y - DƯỢC

Học phần Giải phẫu 1 (650522)

Số tín chỉ 3

Nhóm/Lớp: (01 - 01)/DA22YKA

CBGD: Lê Văn Đảm (00808)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc 01/06/23

Phòng thi: B31.105

| STT | Mã SV | Họ và tên SV | | Ngày sinh | Phái | Đ.TBQT | Điểm KT | Tổng kết | Số tờ/ Mã đề | Chữ ký | Đối tượng SV | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 116022029 | Nguyễn Thành | Đạt | 27/07/2003 | Nam | | | | | | | CT |
| 2 | 116022030 | Nguyễn Tiến | Đạt | 25/07/2003 | Nam | 3.7 | 2.6 | 3.2 | 273 | | | |
| 3 | 116022031 | Nguyễn Thị Út | Dễ | 07/07/2003 | Nữ | 6.4 | 3.7 | 5.1 | 419 | | | |
| 4 | 116022032 | Nguyễn Thị Ngọc | Diệp | 10/11/2004 | Nữ | 5.4 | 3.4 | 4.4 | 509 | | | |
| 5 | 116022033 | Lê Tấn | Độ | 20/09/2004 | Nam | 6.9 | 7.5 | 7.2 | 269 | | | |
| 6 | 116022047 | Đỗ Văn Tài | Em | 31/01/2004 | Nam | 3.9 | 4.0 | 4.0 | 269 | | | |
| 7 | 116022048 | Huỳnh Hoàng | Giang | 10/06/2003 | Nam | 6.1 | 5.3 | 5.7 | 509 | | | |
| 8 | 116022049 | Nguyễn Thị Ngọc | Giàu | 16/06/2003 | Nữ | 4.8 | 6.2 | 5.5 | 419 | | | |
| 9 | 116022050 | Lương Hồng | Hải | 27/06/2004 | Nam | | | | | | | CT |
| 10 | 116022148 | Lê Thành | Phong | 20/09/2004 | Nam | 5.1 | 4.9 | 5.0 | 419 | | | |
| 11 | 116022190 | Phan Anh | Thư | 28/08/2004 | Nữ | 5.8 | 5.5 | 5.7 | 273 | | | |

Tổng số sv, hs trên danh sách: 11

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 9

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 9

Tổng số tờ: 9

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 14 tháng 06 năm 2023

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Văn Hiền

Cán bộ ghi điểm: Nguyễn Tiến Thịnh

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Lê Thanh Trúc

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH
**HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ**

ĐGMH_BM 1a

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH
KHOA Y - DƯỢC

# Danh Sách Ghi Điểm

**Kết thúc học phần-Lần 1**

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Giải phẫu 1 (650522)

Số tín chỉ 3

Nhóm/Lớp: (01 - 02)/DA22YKA

CBGD: Lê Văn Đảm (00808)

Hình thức đánh giá: Trắc nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc 01 / 6 / 2023

Phòng thi: B31 103

| STT | Mã SV | Họ và tên SV | | Ngày sinh | Phái | Đ.TBQT | Điểm KT | Tổng kết | Số tờ/ Mã đề | Chữ ký | Đối tượng SV | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 116022020 | Nguyễn Hoàng Bảo | Châu | 15/11/2004 | Nữ | 6.4 | 3.8 | 5.1 | 269 | | | |
| 2 | 116022021 | Huỳnh Thị Kim | Chi | 09/11/2003 | Nữ | | | | | | | Vắng |
| 3 | 116022022 | Lê Thảo | Chinh | 25/10/2004 | Nữ | 7.5 | 5.6 | 6.6 | 419 | | | |
| 4 | 116022023 | Trương Quốc | Cường | 12/08/2004 | Nam | 6.0 | 3.2 | 4.6 | 509 | | | |
| 5 | 116022024 | Đỗ Nguyễn Hoàng | Đa | 08/12/2003 | Nam | 5.8 | 5.6 | 5.7 | 419 | | | |
| 6 | 116022025 | Dương Quốc | Đại | 17/02/2003 | Nam | 5.4 | 3.1 | 4.3 | 509 | | | |
| 7 | 116022034 | Phạm Thế | Đoan | 09/05/2003 | Nam | 4.0 | 3.5 | 3.8 | 269 | | | |
| 8 | 116022035 | Doãn Thanh | Dũng | 15/10/2004 | Nam | 4.0 | 3.2 | 3.6 | 273 | | | |
| 9 | 116022036 | Lê Lương Thanh | Dương | 24/03/2004 | Nam | | | | | | | Vắng |
| 10 | 116022037 | Đặng Đăng | Duy | 04/01/2004 | Nam | 5.9 | 5.5 | 5.7 | 419 | | | |
| 11 | 116022038 | Lê Bảo | Duy | 18/11/2004 | Nam | 4.3 | 6.6 | 5.5 | 509 | | | |
| 12 | 116022039 | Nguyễn Hoàng | Duy | 17/09/2003 | Nam | 6.2 | 5.0 | 5.6 | 269 | | | |
| 13 | 116022040 | Nguyễn Thái | Duy | 21/09/2004 | Nam | 4.4 | 3.8 | 4.1 | 273 | | | |
| 14 | 116022041 | Nguyễn Thúy | Duy | 13/10/2004 | Nữ | 6.4 | 7.9 | 7.2 | 419 | | | |
| 15 | 116022042 | Nguyễn Trần Trường | Duy | 14/04/2004 | Nam | | | | | | | CT |
| 16 | 116022043 | Chu Mỹ | Duyên | 08/01/2004 | Nữ | | | | | | | Vắng |
| 17 | 116022044 | Nguyễn Phạm Mỹ | Duyên | 26/01/2004 | Nữ | 6.6 | 4.7 | 5.7 | 269 | | | |
| 18 | 116022045 | Nguyễn Thị Cẩm | Duyên | 21/09/2004 | Nữ | 6.8 | 5.1 | 6.0 | 273 | | | |
| 19 | 116022046 | Phó Mỹ | Duyên | 16/11/2004 | Nữ | 6.3 | 4.1 | 5.2 | 419 | | | |
| 20 | 116022236 | Nguyễn Thanh | Vũ | 18/10/2004 | Nam | 6.0 | 4.8 | 5.4 | 509 | | | |

Tổng số sv, hs trên danh sách: 20

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 16

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 16

Tổng số tờ: 16

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 14 tháng 06 năm 2023

Cán bộ coi thi 1: Vũ Thị Đào

Cán bộ ghi điểm: Nguyễn Tiến Thịnh

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Lê Thanh Trúc

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH
**HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ**

ĐGMH_BM 1a

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH
KHOA Y - DƯỢC

# Danh Sách Ghi Điểm

**Kết thúc học phần-Lần 1**

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Giải phẫu 1 (650522)
Số tín chỉ 3
Nhóm/Lớp: (01 - 02)/DA22YKA
CBGD: Lê Văn Đảm (00808)

Hình thức đánh giá: TN
Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc 01/06/23
Phòng thi: B31.105

| STT | Mã SV | Họ và tên SV | | Ngày sinh | Phái | Đ.TBQT | Điểm KT | Tổng kết | Số tờ/ Mã đề | Chữ ký | Đối tượng SV | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 116022241 | Danh Tuấn | Anh | 05/09/2003 | Nam | 4,8 | 3,9 | 4,4 | 419 | | | |
| 2 | 116022242 | Kim Nguyễn Bảo | Anh | 19/10/2003 | Nam | 6,0 | 3,4 | 4,7 | 509 | | | |
| 3 | 116022243 | Trương Mỹ | Duyên | 01/05/2003 | Nữ | 5,4 | 3,9 | 4,7 | 269 | | | |
| 4 | 116022244 | Thạch Thị Hồng | Duyên | 15/12/2003 | Nữ | 2,9 | 3,1 | 3,0 | 273 | | | |
| 5 | 116022245 | Kim Sơn Thi | Đa | 11/10/2003 | Nữ | | | | | | | CT |
| 6 | 116022246 | Thạch Tuấn | Kiệt | 05/12/2003 | Nam | | | | | | | CT |
| 7 | 116022268 | Nguyễn Minh | Trí | 30/12/2003 | Nam | | | | | | | CT |
| 8 | 116022282LT | Phan Thị Huyền | Anh | 10/09/1988 | Nữ | 6,2 | 4,9 | 5,6 | 419 | | | |
| 9 | 116022283LT | Đào Trọng | Hội | 08/10/1995 | Nam | 3,7 | 5,8 | 4,8 | 509 | | | |
| 10 | 116022310LT | Phan Cảnh | Duy | 16/03/1991 | Nam | 5,4 | 7,2 | 6,3 | 269 | | | |
| 11 | 116022326LT | Trần Thiện | Trí | 26/03/1982 | Nam | 3,0 | 4,9 | 4,0 | 273 | | | |

Tổng số sv, hs trên danh sách: 11
Tổng số sv, hs dự đánh giá: 8
Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 8
Tổng số tờ: 8

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 14 tháng 06 năm 2023

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Hiền

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ ghi điểm: Nguyễn Tiến Thịnh

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Lê Thanh Trúc

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH
**HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ**

ĐGMH_BM 1a

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH
KHOA Y - DƯỢC

# Danh Sách Ghi Điểm

**Kết thúc học phần-Lần 1**

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Giải phẫu 1 (650522)
Số tín chỉ 3
Nhóm/Lớp: (01 - 06)/DA22YKC
CBGD: Lê Văn Đảm (00808)

Hình thức đánh giá: Trắc nghiệm
Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc
01 / 06 / 2023
Phòng thi: B31 201

| STT | Mã SV | Họ và tên SV | | Ngày sinh | Phái | D.TBQT | Điểm KT | Tổng kết | Số tờ/ Mã đề | Chữ ký | Đối tượng SV | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 116022105 | Nguyễn Phan Thị Mỹ | Lợi | 04/07/2004 | Nữ | 5.3 | 4.1 | 4.7 | 269 | | | |
| 2 | 116022106 | Trình Thị Cẩm | Ly | 28/12/2004 | Nữ | 6.6 | 6.2 | 6.4 | 509 | | | |
| 3 | 116022107 | Bùi Thị Quỳnh | Mai | 31/05/2003 | Nữ | 5.1 | 6.5 | 5.8 | 419 | | | |
| 4 | 116022108 | Cao Ngọc | Mịn | 29/09/2004 | Nữ | 2.5 | 4.0 | 3.3 | 509 | | | |
| 5 | 116022109 | Trần Đức | Minh | 19/06/2004 | Nam | 6.9 | 7.1 | 7.0 | 269 | | | |
| 6 | 116022110 | Đặng Tiểu | My | 20/09/2002 | Nữ | 3.8 | 3.8 | 3.8 | 273 | | | |
| 7 | 116022111 | Lương Ngọc Uyển | My | 06/09/2004 | Nữ | 3.6 | 3.3 | 3.5 | 419 | | | |
| 8 | 116022112 | Đặng Nguyễn Ngọc | Ngân | 27/10/2003 | Nữ | 7.5 | 4.6 | 6.1 | 509 | | | |
| 9 | 116022114 | Huỳnh Lê Hải | Ngân | 11/02/2004 | Nữ | 6.3 | 4.2 | 5.3 | 273 | | | |
| 10 | 116022115 | Lê Hoàng Kim | Ngân | 01/06/2003 | Nữ | 6.9 | 3.7 | 5.3 | 509 | | | |
| 11 | 116022116 | Nguyễn Trung | Nghĩa | 08/11/2003 | Nam | 5.4 | 3.7 | 4.6 | 273 | | | |
| 12 | 116022117 | Trần Hữu | Nghĩa | 18/07/1990 | Nam | | | | | | | |
| 13 | 116022118 | Nguyễn Nhật | Nghiêm | 29/04/2004 | Nam | 7.6 | 5.7 | 6.7 | 273 | | | |
| 14 | 116022119 | Lê Thị Kim | Ngọc | 04/11/2004 | Nữ | 6.4 | 4.7 | 5.6 | 509 | | | |
| 15 | 116022131 | Nguyễn Minh | Nhân | 24/10/2004 | Nam | 7.6 | 7.0 | 7.3 | 419 | | | |
| 16 | 116022133 | Lê Lâm Vũ | Nhi | 12/07/2003 | Nữ | 5.4 | 3.9 | 4.7 | 269 | | | |
| 17 | 116022134 | Lê Yến | Nhi | 18/06/2003 | Nữ | 7.5 | 6.6 | 7.1 | 419 | | | |
| 18 | 116022135 | Nguyễn Thị Mai | Nhi | 16/09/2004 | Nữ | 6.2 | 6.4 | 6.3 | 269 | | | |
| 19 | 116022136 | Trần Lê Yến | Nhi | 09/12/2003 | Nữ | 5.1 | 4.7 | 4.9 | 419 | | | |
| 20 | 116022137 | Trần Phương Thảo | Nhi | 27/06/2004 | Nữ | 7.5 | 4.5 | 6.0 | 269 | | | |

Tổng số sv, hs trên danh sách: 20
Tổng số sv, hs dự đánh giá: 19
Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 19
Tổng số tờ: 19

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 14 tháng 06 năm 2023

Cán bộ coi thi 1: Tăng Thanh Tâm

Cán bộ ghi điểm: Nguyễn Tiến Thịnh

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Lê Thanh Trúc

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH
**HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ**

ĐGMH_BM 1a

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH
KHOA Y - DƯỢC

# Danh Sách Ghi Điểm

**Kết thúc học phần-Lần 1**

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Giải phẫu 1 (650522)

Số tín chỉ 3

Nhóm/Lớp: (01 - 06)/DA22YKC

CBGD: Lê Văn Đảm (00808)

Hình thức đánh giá: Trắc nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc: 01/06/2023

Phòng thi: B31.202

| STT | Mã SV | Họ và tên SV | | Ngày sinh | Phái | Đ.TBQT | Điểm KT | Tổng kết | Số tờ/ Mã đề | Chữ ký | Đối tượng SV | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 116022138 | Trần Thị Ngọc | Nhi | 18/08/2004 | Nữ | 5,5 | 4,5 | 5,0 | 269 | | | |
| 2 | 116022139 | Võ Thị Yến | Nhi | 13/10/2004 | Nữ | 7,9 | 5,3 | 6,6 | 273 | | | |
| 3 | 116022257 | Lữ Thị Thùy | Phương | 26/06/2003 | Nữ | 4,6 | 5,1 | 4,9 | 269 | | | |
| 4 | 116022258 | Lê Thị Trúc | Phương | 09/02/2003 | Nữ | 6,5 | 5,9 | 6,2 | 273 | | | |
| 5 | 116022261 | Trương Thị Hồng | Tuyến | 07/06/2003 | Nữ | 7,4 | 5,4 | 6,4 | 273 | | | |
| 6 | 116022297LT | Võ Phú | Tần | 23/04/1995 | Nam | 5,2 | 4,4 | 4,8 | 419 | | | |
| 7 | 116022299LT | Thái Thanh | Trà | 09/04/1995 | Nam | 3,3 | 3,5 | 3,4 | 509 | | | |
| 8 | 116022301LT | Nguyễn Trọng | Ánh | 30/11/1994 | Nam | 4,3 | 3,7 | 4,0 | 269 | | | |
| 9 | 116022304LT | Nguyễn Đại | Cọp | 27/09/1990 | Nam | 6,1 | 4,4 | 5,3 | 419 | | | |
| 10 | 116022306LT | Hoàng Lê | Đạt | 16/06/1998 | Nam | 7,9 | 7,7 | 7,8 | 509 | | | |

Tổng số sv, hs trên danh sách: 10

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 10

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 10

Tổng số tờ: 10

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 14 tháng 06 năm 2023

Cán bộ coi thi 1: Huỳnh Ngọc Quí

Cán bộ ghi điểm: Nguyễn Tiến Thịnh

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Lê Thanh Trúc

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH
**HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ**

ĐGMH_BM 1a

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH
KHOA Y - DƯỢC

# Danh Sách Ghi Điểm

**Kết thúc học phần-Lần 1**

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Giải phẫu 1 (650522)

Số tín chỉ 3

Nhóm/Lớp: (01 - 05)/DA22YKC

CBGD: Lê Văn Đảm (00808)

Hình thức đánh giá: Trắc nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc 01 / 6 / 2023

Phòng thi: B31. 107

| STT | Mã SV | Họ và tên SV | | Ngày sinh | Phái | Đ.TBQT | Điểm KT | Tổng kết | Số tờ/ Mã đề | Chữ ký | Đối tượng SV | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 116022064 | Trần Chí | Hiếu | 16/04/2004 | Nam | 7.5 | 6.1 | 6.8 | 269 | | | |
| 2 | 116022096 | Phạm Hiếu | Lam | 26/12/2003 | Nữ | | | | | | | CT |
| 3 | 116022101 | Nguyễn Hữu | Lộc | 28/04/2003 | Nam | | | | | | | CT |
| 4 | 116022102 | Nguyễn Phúc | Lộc | 12/05/2004 | Nam | 7.2 | 7.4 | 7.3 | 273 | | | |
| 5 | 116022103 | Trần Đức | Lộc | 23/07/2004 | Nam | 7.0 | 5.7 | 6.4 | 419 | | | |
| 6 | 116022104 | Võ Tấn | Lộc | 23/05/2004 | Nam | 7.1 | 6.5 | 6.8 | 509 | | | |
| 7 | 116022120 | Lê Thúy | Ngọc | 27/12/2004 | Nữ | | | | | | | CT |
| 8 | 116022121 | Nguyễn Thị Hồng | Ngọc | 25/07/2003 | Nữ | 4.7 | 4.2 | 4.5 | 269 | | | |
| 9 | 116022122 | Nguyễn Thị Kim | Ngọc | 05/05/2004 | Nữ | 4.6 | 3.1 | 3.9 | 509 | | | |
| 10 | 116022123 | Đào Trọng | Nguyên | 17/01/2004 | Nam | 6.6 | 5.5 | 6.1 | 419 | | | |
| 11 | 116022124 | Nguyễn Thị Thảo | Nguyên | 26/02/2004 | Nữ | 6.1 | 5.4 | 5.8 | 273 | | | |
| 12 | 116022126 | Trần Việt | Nguyên | 08/04/2004 | Nam | 3.5 | 4.1 | 3.8 | 269 | | | |
| 13 | 116022127 | Trịnh Phúc | Nguyên | 10/02/2004 | Nam | 4.9 | 6.4 | 5.5 | 273 | | | |
| 14 | 116022128 | Hồ Trọng | Nguyễn | 13/09/2004 | Nam | 4.8 | 4.3 | 4.6 | 419 | | | |
| 15 | 116022129 | Lê Minh | Nguyệt | 19/01/2004 | Nữ | 5.4 | 4.2 | 4.8 | 273 | | | |
| 16 | 116022130 | Nguyễn Thanh | Nhàn | 18/02/2004 | Nam | 4.8 | 4.6 | 4.7 | 269 | | | |
| 17 | 116022140 | Danh Thị Huỳnh | Như | 22/11/2004 | Nữ | 6.0 | 4.6 | 5.3 | 509 | | | |
| 18 | 116022141 | Huỳnh Quý | Như | 16/03/2003 | Nữ | 4.7 | 4.2 | 4.5 | 419 | | | |
| 19 | 116022142 | Lâm Thị Huỳnh | Như | 31/07/2004 | Nữ | 7.8 | 7.8 | 7.8 | 509 | | | |
| 20 | 116022143 | Nguyễn Thị Cẩm | Nhung | 01/01/2002 | Nữ | | | | | | | C |

Tổng số sv, hs trên danh sách: 20

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 16

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 16

Tổng số tờ: 16

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 14 tháng 06 năm 2023

Cán bộ coi thi 1: Huỳnh

Cán bộ ghi điểm: Nguyễn Tiến Thịnh

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Lê Thanh Trúc

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH
**HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ**

ĐGMH_BM 1a

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH
KHOA Y - DƯỢC

# Danh Sách Ghi Điểm

**Kết thúc học phần-Lần 1**

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Giải phẫu 1 (650522)

Số tin chỉ 3

Nhóm/Lớp: (01 - 05)/DA22YKC

CBGD: Lê Văn Đảm (00808)

Hình thức đánh giá: Trắc nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc 01/06/2023

Phòng thi: B31 202

| STT | Mã SV | Họ và tên SV | | Ngày sinh | Phái | Đ.TBQT | Điểm KT | Tổng kết | Số tờ/ Mã đề | Chữ ký | Đối tượng SV | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 116022144 | Nguyễn Cao | Nhứt | 01/01/2004 | Nam | 9.0 | 6.6 | 7.8 | 419 | | | |
| 2 | 116022145 | Huỳnh Bá | Phát | 17/10/2003 | Nam | 5.1 | 5.0 | 5.1 | 509 | Phát | | |
| 3 | 116022146 | Huỳnh Tấn | Phát | 23/01/2004 | Nam | 5.6 | 4.0 | 4.8 | 419 | | | |
| 4 | 116022253 | Dương Tâm | Như | 10/04/2003 | Nữ | | | | | | | Vắng |
| 5 | 116022254 | Phan Trương Khiết | Oanh | 11/02/2003 | Nữ | | | | | | | Vắng |
| 6 | 116022255 | Trần | Phi | 25/05/2000 | Nam | 2.7 | 2.3 | 2.5 | 509 | | | |
| 7 | 116022256 | Phạm Lâm Bảo | Phúc | 18/04/2003 | Nam | | | | | | | CT |

Tổng số sv, hs trên danh sách: 07

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 04

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 04

Tổng số tờ: 04

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 14 tháng 06 năm 2023

Cán bộ coi thi 1: Quỳnh Ngọc Quí

Cán bộ ghi điểm: Nguyễn Tiến Thịnh

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Lê Thanh Trúc

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH
**HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ**

ĐGMH_BM 1a

# Danh Sách Ghi Điểm

**Kết thúc học phần-Lần 1**

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH
KHOA Y - DƯỢC

Học phần Giải phẫu 1 (650522)

Số tín chỉ 3

Nhóm/Lớp: (02 - 02)/DA22YKD

CBGD: Lê Văn Đảm (00808)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc: 01/6/2023

Phòng thi: B31.203

| STT | Mã SV | Họ và tên SV | | Ngày sinh | Phái | Đ.TBQT | Điểm KT | Tổng kết | Số tờ/ Mã đề | Chữ ký | Đối tượng SV | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 116022161 | Nguyễn Phúc Thư | Quỳnh | 16/09/2004 | Nữ | 6,6 | 5,6 | 6,1 | 419 | | | |
| 2 | 116022163 | Nguyễn Văn | Sĩ | 25/10/2004 | Nam | 8,8 | 7,4 | 8,1 | 509 | | | |
| 3 | 116022164 | Lê Hoàng | Sơn | 08/05/2004 | Nam | 5,9 | 3,9 | 4,9 | 269 | | | |
| 4 | 116022166 | Trịnh Nguyễn Anh | Tài | 07/03/2004 | Nam | | | | | | | |
| 5 | 116022167 | Hoàng Khắc | Tâm | 07/09/2004 | Nam | | | | | | | |
| 6 | 116022168 | Lê Đào Phát | Tân | 01/03/2004 | Nam | 7,9 | 5,7 | 6,8 | 509 | | | |
| 7 | 116022169 | Lê Nhựt | Tân | 20/06/2003 | Nam | 3,1 | 3,1 | 3,1 | 419 | | | |
| 8 | 116022170 | Lê Hữu | Thắng | 04/05/2004 | Nam | 5,7 | 3,7 | 4,7 | 273 | | | |
| 9 | 116022171 | Nguyễn Chiến | Thắng | 24/11/2002 | Nam | 6,0 | 5,7 | 5,9 | 269 | | | |
| 10 | 116022173 | Đào Thị Mỹ | Thanh | 30/11/2004 | Nữ | 3,9 | 2,8 | 3,4 | 273 | | | |
| 11 | 116022174 | Lâm Chí | Thanh | 09/02/2004 | Nam | 4,5 | 4,1 | 4,3 | 419 | | | |
| 12 | 116022176 | Nguyễn Nhật | Thanh | 19/08/2001 | Nam | 8,4 | 7,1 | 7,8 | 273 | | | |
| 13 | 116022177 | Lưu Ngọc Phương | Thảo | 22/04/2004 | Nữ | 5,6 | 4,3 | 5,0 | 269 | | | |
| 14 | 116022178 | Nguyễn Thị Hiếu | Thảo | 29/11/2004 | Nữ | 4,7 | 3,5 | 4,1 | 509 | | | |
| 15 | 116022179 | Biện Thị Minh | Thi | 31/10/2003 | Nữ | 5,6 | 5,2 | 5,4 | 419 | | | |
| 16 | 116022184 | Lê Minh | Thiện | 12/10/2004 | Nam | 2,8 | 3,4 | 3,1 | 509 | | | |
| 17 | 116022185 | Nguyễn Trường | Thọ | 17/10/2004 | Nam | 2,6 | 3,1 | 2,9 | 269 | | | |
| 18 | 116022186 | Đỗ Huỳnh Minh | Thông | 19/09/2004 | Nam | 4,3 | 4,7 | 4,5 | 509 | | | |
| 19 | 116022187 | Ngô Nguyễn | Thu | 24/07/2004 | Nữ | 7,3 | 4,6 | 6,0 | 419 | | | |
| 20 | 116022188 | Trương Ngọc Anh | Thư | 14/02/2004 | Nữ | 5,1 | 3,8 | 4,5 | 273 | | | |

Tổng số sv, hs trên danh sách: 20

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 18

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 18

Tổng số tờ: 18

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 14 tháng 06 năm 2023

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Thế Vân

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ ghi điểm: Nguyễn Tiến Thịnh

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Lê Thanh Trúc

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH
**HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ**

ĐGMH_BM 1a

# Danh Sách Ghi Điểm

**Kết thúc học phần-Lần 1**

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH
KHOA Y - DƯỢC

Học phần Giải phẫu 1 (650522)

Số tín chỉ 3

Nhóm/Lớp: (02 - 02)/DA22YKD

CBGD: Lê Văn Đảm (00808)

Hình thức đánh giá: Tự luận

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc 01 / 6 / 2023

Phòng thi: B31 205

| STT | Mã SV | Họ và tên SV | | Ngày sinh | Phái | Đ.TBQT | Điểm KT | Tổng kết | Số tờ/ Mã đề | Chữ ký | Đối tượng SV | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 116022189 | Nguyễn Anh | Thư | 18/09/2004 | Nữ | 4,3 | 3,0 | 3,7 | 509 | | | |
| 2 | 116022264 | Thạch Sơn | Thiện | 14/01/2003 | Nam | 6,5 | 2,8 | 4,7 | 269 | | | |
| 3 | 116022309LT | Huỳnh Thị Thùy | Dương | 24/07/1990 | Nữ | 5,7 | 2,3 | 4,0 | 273 | | | |
| 4 | 116022312LT | Phạm Thị Khương | Linh | 01/01/1994 | Nữ | 4,9 | 3,0 | 4,0 | 419 | | | |
| 5 | 116022316LT | Trần Thanh | Phi | 27/04/1995 | Nam | 4,2 | 3,1 | 3,7 | 509 | | | |
| 6 | 116022317LT | Trương Hoàng | Phong | 10/02/1993 | Nam | 7,5 | 3,4 | 5,5 | 269 | | | |

Tổng số sv, hs trên danh sách: 06

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 06

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 06

Tổng số tờ: 06

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 14 tháng 06 năm 2023

Cán bộ coi thi 1:

Cán bộ ghi điểm:

Nguyễn Tiến Thịnh

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra:

Nguyễn Lê Thanh Trúc

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH
**HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ**

ĐGMH_BM 1a

# Danh Sách Ghi Điểm

**Kết thúc học phần-Lần 1**

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH
KHOA Y - DƯỢC

Học phần Giải phẫu 1 (650522)

Số tín chỉ 3

Nhóm/Lớp: (02 - 01)/DA22YKD

CBGD: Lê Văn Đảm (00808)

Hình thức đánh giá: Trắc nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc 01 / 6 / 2023

Phòng thi: B31.205

| STT | Mã SV | Họ và tên SV | | Ngày sinh | Phái | Đ.TBQT | Điểm KT | Tổng kết | Số tờ/ Mã đề | Chữ ký | Đối tượng SV | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 116022224 | Bùi Nguyễn Như | Uyên | 08/02/2004 | Nữ | 5.8 | 4.9 | 5.4 | 419 | | | |
| 2 | 116022259 | Thạch Lý Thủy | Tiên | 22/04/2003 | Nữ | | | | | | | Gr |
| 3 | 116022260 | Hán Nữ Kiều | Tuyền | 26/07/2003 | Nữ | 3.8 | 3.1 | 3.5 | 509 | | | |
| 4 | 116022262 | Trầm Quốc | Thắng | 01/09/2003 | Nam | 5.1 | 2.8 | 4.0 | 269 | | | |
| 5 | 116022308LT | Phan Thị Thủy | Dương | 17/11/2001 | Nữ | 5.0 | 2.7 | 3.9 | 273 | | | |
| 6 | 116022311LT | Nguyễn Văn | Kía | 02/01/1991 | Nam | 5.5 | 4.6 | 5.1 | 419 | | | 0,0 |

Tổng số sv, hs trên danh sách: 05

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 05

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 05

Tổng số tờ: 05

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 14 tháng 06 năm 2023

Cán bộ coi thi 1: Hà Kim Chi

Cán bộ ghi điểm: Nguyễn Tiến Thịnh

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Lê Thanh Trúc

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH
**HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ**

ĐGMH_BM 1a

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH
KHOA Y - DƯỢC

# Danh Sách Ghi Điểm

**Kết thúc học phần-Lần 1**

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Giải phẫu 1 (650522)

Số tín chỉ 3

Nhóm/Lớp: (02 - 01)/DA22YKD

CBGD: Lê Văn Đảm (00808)

Hình thức đánh giá: TT

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc 01 / 6 / 2023

Phòng thi: B31.204

| STT | Mã SV | Họ và tên SV | | Ngày sinh | Phái | Đ.TBQT | Điểm KT | Tổng kết | Số tờ/ Mã đề | Chữ ký | Đối tượng SV | Gh ch |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 116022147 | Từ Ngọc | Phát | 13/01/1995 | Nam | 5.5 | 2.9 | 4.2 | 419 | | | |
| 2 | 116022149 | Lương Nguyên | Phong | 01/07/2004 | Nam | 5.7 | 3.6 | 4.7 | 509 | | | |
| 3 | 116022150 | Bùi Phan Thy | Phúc | 11/11/2004 | Nữ | 3.4 | 5.1 | 4.3 | 269 | | | |
| 4 | 116022151 | Quan Kim | Phụng | 13/05/2004 | Nữ | 4.7 | 3.9 | 4.3 | 273 | | | |
| 5 | 116022152 | Lâm Phú | Phuông | 08/02/2003 | Nam | 4.3 | 4.4 | 4.4 | 419 | | | |
| 6 | 116022153 | Ngô Nguyễn Thanh | Phương | 11/07/2002 | Nữ | 6.1 | 5.1 | 5.6 | 509 | | | |
| 7 | 116022154 | Phạm Cẩm | Phương | 17/11/2003 | Nữ | 4.6 | 3.1 | 3.9 | 269 | | | |
| 8 | 116022155 | Thiều Mai | Phương | 28/07/2004 | Nữ | 4.3 | 4.3 | 4.3 | 273 | | | |
| 9 | 116022157 | Cao Bình | Quang | 11/02/2004 | Nam | 5.9 | 4.3 | 5.1 | 419 | | | |
| 10 | 116022158 | Phan Tiến | Quốc | 18/02/2004 | Nam | 8.1 | 4.7 | 6.4 | 509 | | | |
| 11 | 116022159 | Phạm Dương | Quốc | 09/10/2003 | Nam | | | | | | | C |
| 12 | 116022160 | Nguyễn Hữu | Quý | 26/11/2000 | Nam | 8.1 | 3.2 | 5.7 | 269 | | | |
| 13 | 116022180 | Nguyễn Anh | Thi | 20/01/2004 | Nữ | 6.2 | 5.9 | 6.1 | 273 | | | |
| 14 | 116022181 | Kim Dô | Thia | 11/02/2004 | Nam | 8.4 | 5.4 | 6.9 | 419 | | | |
| 15 | 116022182 | Dặng Minh | Thiện | 11/02/2004 | Nam | 4.2 | 3.1 | 3.7 | 509 | | | |
| 16 | 116022183 | Hà Ngọc | Thiện | 26/04/2004 | Nam | 7.7 | 4.9 | 6.3 | 269 | | | |
| 17 | 116022191 | Phan Thị Anh | Thư | 15/10/2004 | Nữ | 4.3 | 5.3 | 4.8 | 273 | | | |
| 18 | 116022192 | Sơn Thị Anh | Thư | 31/03/2002 | Nữ | 4.6 | 3.0 | 3.8 | 419 | | | |
| 19 | 116022193 | Trần Gia | Thuận | 11/11/2004 | Nam | 6.4 | 4.3 | 5.4 | 509 | | | |
| 20 | 116022194 | Phan Trọng | Thủy | 06/02/2004 | Nam | 5.1 | 3.7 | 4.4 | 269 | | | |

Tổng số sv, hs trên danh sách: 20

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 19

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 19

Tổng số tờ: 19

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 14 tháng 06 năm 2023

Cán bộ coi thi 1: Hồ Minh Thảo

Cán bộ ghi điểm: Nguyễn Tiến Thịnh

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Lê Thanh Trúc